

TỔNG CÔNG TY VIWASEEN
CTY CP ĐT & XD CẤP THOÁT NƯỚC
WASECO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 của
ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - WASECO)*

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước,
- Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 tán thành nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (WASECO) bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (WASECO) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận, lấy ý kiến;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có **05** thành viên. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị công ty phải đảm bảo **tối thiểu 1/3** tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành

viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trong 05 thành viên HĐQT công ty **phải có tối thiểu 01 người là thành viên độc lập** Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là **05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người chịu trách nhiệm chung về các công việc của Hội đồng quản trị, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Dự thảo phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - e. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các báo cáo, nghị quyết, quyết định, tờ trình và các văn bản khác của Hội đồng quản trị
 - g. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - h. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - i. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j. Có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông
 - k. Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty
 - l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (**quá 1/3**) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;
 - b. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu.

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Khi thành viên HĐQT không còn đủ tiêu chuẩn là thành viên HĐQT và/hoặc có đơn xin thôi tư cách thành viên HĐQT thì thành viên này không còn là thành viên HĐQT kể từ thời điểm này.

Điều 9. Đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị và phương bầu Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 10% đến dưới 20%** được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo về việc bầu thành viên HĐQT **chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có

thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty và các bên liên quan của công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhận danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản **trở lên** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - j. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc.
 - k. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, và quyết định mức lương Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - l. Cử và thôi cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác. Việc thôi cử này không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị thôi cử (nếu có);
 - m. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - s. Ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - t. Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, giải thể, sáp nhập các phòng ban, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty và tham gia góp vốn vào doanh nghiệp khác;
 - c. Thông qua việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng, phó phòng/ban công ty; Giám đốc, phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc và các chức danh tương đương theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định điểm d Khoản 2 Điều 138; Khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng, giao dịch của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);
 - e. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - f. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - g. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500 (năm trăm) triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - i. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - j. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính;
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 12: Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty, Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.
- 2. Thành viên HĐQT thực hiện nghĩa vụ khác theo bản Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị.

3. Thành viên HĐQT được quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác trong công ty cung cấp tài liệu, hồ sơ có liên quan đến các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và lĩnh vực mà thành viên đó phụ trách.
4. Thành viên của HĐQT có quyền làm việc trực tiếp với các phòng, ban công ty và các đơn vị trực thuộc để thực hiện công việc của mình phù hợp với chức năng nhiệm vụ của HĐQT. Khi làm việc, các thành viên HĐQT có thể chất vấn, trao đổi, nhưng không vi phạm chức năng điều hành của Tổng giám đốc. Khi cần thiết, các thành viên của HĐQT có thể trao đổi trực tiếp với Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời các vấn đề được phân công.
5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị **nhỏ hơn 35%** hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị **nhỏ hơn 35%** tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Hoặc số lượng thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với số thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty.
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e khoản 1 điều này.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành

viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 17: Chế độ làm việc của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
2. HĐQT có thể họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các vấn đề cấp bách của công ty khi có đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;
 - c. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Ban kiểm soát;
 - e. Thành viên độc lập HĐQT.

Các đề nghị họp của các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d và e Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. HĐQT ban hành các quyết định và nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc

được phân công theo dõi phụ trách; cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về các quyết định của mình đối với sự phát triển của Công ty.

Điều 18: Thông báo họp, thành phần và điều kiện họp HĐQT

1. Trước khi tổ chức cuộc họp HĐQT, Thư ký Công ty được giao nhiệm vụ tổng hợp các kiến nghị của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, trưởng Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình cuộc họp và thông báo nội dung, thời gian, địa điểm họp HĐQT tới các thành viên HĐQT ít nhất **năm (05) ngày làm việc** trước ngày họp dự kiến.
2. Thông báo họp được gửi bằng thư điện tử đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và thành viên mời dự họp khác.
3. Thành phần họp HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người công bố thông tin, Thư ký Công ty. Chủ tịch HĐQT có thể mời cán bộ quản lý khác tham dự cuộc họp HĐQT khi xét thấy cần thiết. Các thành viên dự họp không phải là thành viên HĐQT có quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.
4. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại văn phòng làm việc của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của HĐQT; hoặc có thể được tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT:
 - Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có **ít nhất ba phần tư (3/4)** số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự;
 - Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp HĐQT được triệu tập lại trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có **hơn một nửa (1/2)** số thành viên HĐQT dự họp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 19: Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

- Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Điều 20: Quy định về việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và hội ý đột xuất

- Trong trường hợp phải thông qua một hoặc một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà không tổ chức triệu tập và họp như thông lệ, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Thư ký HĐQT có trách nhiệm chuyển nội dung cần lấy ý kiến cho các thành viên bằng một trong các bằng hình thức như gửi trực tiếp, qua email hoặc gửi bưu điện. Các thành viên phải có ý kiến trả lời vào văn bản lấy ý kiến chậm nhất sau 72 giờ kể từ thời điểm nhận được tài liệu. Nếu sau thời hạn này thành viên nào không trả lời xem như thành viên đó đồng ý với vấn đề cần lấy ý kiến.

- Những vấn đề cần quyết định ngay mà không thể triệu tập HĐQT hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản thì Chủ tịch HĐQT hội ý với các thành viên qua điện thoại. Quyết định thông qua trong trường hợp này có hiệu lực ngay, sau đó được khẳng định bằng chữ ký trong Biên bản của tất cả các thành viên đã tham gia nội dung được trao đổi.

Điều 21: Thông qua Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

- HĐQT thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền và ra nghị quyết/quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định;

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
3. Thành viên của HĐQT không tán thành ý kiến của đa số thành viên HĐQT khi thông qua quyết định một vấn đề nào đó có quyền bảo lưu ý kiến của mình và ghi ý kiến bảo lưu vào biên bản họp hoặc phiếu lấy ý kiến nhưng thành viên đó vẫn phải tuân theo nghị quyết/quyết định của HĐQT.

Điều 22: Biên bản và Nghị quyết/Quyết định HĐQT

1. Biên bản họp hoặc Phiếu lấy ý kiến HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nếu cùng một thời điểm mà không thể lấy chữ ký đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT thì có thể lập thành nhiều bản, miễn là các bản này có cùng nội dung như nhau, và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp, sau đó Thư ký hoàn thiện lấy chữ ký của tất cả các thành viên dự họp trên cùng một bản giấy vào kỳ họp gần nhất.
2. Biên bản họp hoặc Phiếu lấy ý kiến HĐQT bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Tóm tắt ý kiến của thành viên dự họp không tán thành ý kiến của đa số thành viên HĐQT còn lại;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
3. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực.
4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
6. Nghị quyết, Quyết định HĐQT được ban hành trên cơ sở các nội dung được thông qua tại Biên bản họp hoặc Phiếu lấy ý kiến HĐQT, được gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban có liên quan để triển khai thực hiện và/hoặc công bố thông tin theo quy định.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là **30 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty trả lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải công khai lợi ích có liên quan theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 27: Mối quan hệ giữa HĐQT với Tổng giám đốc

1. HĐQT và Tổng giám đốc phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của công ty, đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của công ty, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. HĐQT thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc tổ chức thực hiện, đồng thời HĐQT kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu SXKD, HĐQT sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng **05 ngày** làm việc kể từ khi nhận được tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp HĐQT hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản, HĐQT sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng **10 ngày** làm việc.
3. Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm HĐQT hoặc phải trình HĐQT thì Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cử thành viên HĐQT khác tham dự với tư cách HĐQT nếu xét thấy cần thiết.
4. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung và dài hạn, hoặc xử lý các vấn đề đang vướng mắc lớn của công ty thì Tổng giám đốc báo cáo cho HĐQT biết để tham dự.
5. HĐQT phê duyệt các quy chế, quy định quản lý nội bộ của công ty. Tổng giám đốc phê duyệt các quy định thuộc thẩm quyền điều hành của mình.
6. Đối với các đơn vị trực thuộc, HĐQT phê duyệt Quy chế tổ chức hoạt động. Các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc phê duyệt phù hợp với Quy chế quản lý của công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 28: Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quan hệ công việc với HĐQT

1. Ngoài các vấn đề phải trình HĐQT thông qua, Tổng giám đốc chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ Công ty, phù hợp với quy chế quản lý của Công ty, quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời báo ngay cho HĐQT biết trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện khẩn cấp.
2. Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi Báo cáo tình hình SXKD tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện kỳ tới cho HĐQT **trước ngày 10 của tháng sau** đối với báo cáo tháng, **trước ngày 15 của tháng đầu tiên quý sau** đối với báo cáo quý và **trước ngày 20 tháng Một năm tiếp theo** đối với báo cáo năm.
3. Hàng quý Tổng giám đốc phải báo cáo kết quả khai thác sử dụng sau đầu tư các lĩnh vực: SXCN, TSCĐ & CCDC, kinh doanh dịch vụ văn phòng, giải trình nguyên nhân thua lỗ (nếu có), giải pháp khắc phục trong kỳ tới;
4. Các báo cáo khác của Tổng Giám đốc về các hoạt động và công tác điều hành SXKD được thực hiện theo quy định tại các quy chế quản lý nội bộ công ty do HĐQT ban hành.
5. Báo cáo tại kỳ họp thường kỳ của HĐQT: Tổng giám đốc phải báo cáo bằng văn bản tại kỳ họp thường kỳ của HĐQT bao gồm nội dung chính sau:
 - Kết quả SXKD trong kỳ và dự kiến kế hoạch kỳ tới;
 - Kết quả thực hiện từng nghị quyết/ quyết định của HĐQT;
 - Kết quả và tình hình tài chính;
 - Tình hình thực hiện các dự án đầu tư;
 - Việc triển khai chiến lược kinh doanh của công ty;
 - Các kiến nghị (nếu có), phương hướng và biện pháp thực kế hoạch.
 - Sự tuân thủ của bộ máy quản lý đối với các quy định của công ty và pháp luật.
 - Các vấn đề khác
6. Tổng giám đốc chuẩn bị kỹ các báo cáo, tờ trình thuộc thẩm quyền thông qua của HĐQT, gửi các thành viên HĐQT trước thời gian họp ít nhất **05 (năm) ngày làm việc**.

Điều 29: Tham dự các cuộc họp và sự kiện của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp giao ban sản xuất kinh doanh do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các buổi họp này, có quyền chất vấn, phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Các cuộc khảo sát trong và ngoài nước đàm phán các hợp đồng có giá trị lớn quan trọng của công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Chủ tịch HĐQT đến dự hoặc cử thành viên tham dự với tư cách tư vấn.

Điều 30: Quan hệ làm việc giữa HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

1. HĐQT và Tổng giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động của Ban kiểm soát, đồng thời tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.
2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý chấn chỉnh trong công tác điều hành quản lý, ghi chép sổ sách và lập báo cáo tài chính công ty.
3. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả kiểm soát, đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHCĐ.
4. Ngoài các quan hệ trên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 31: Quan hệ làm việc giữa HĐQT với bộ máy điều hành

1. HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc. HĐQT có thể tham dự các cuộc giao ban hàng tháng của Ban điều hành công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Tổng giám đốc chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt. HĐQT có thể có kế hoạch làm việc với các đơn vị thành viên của công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch SXKD và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
2. HĐQT sử dụng các phòng, ban chức năng và các chuyên viên, kỹ sư của công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến về các vấn đề có liên quan.
3. HĐQT sử dụng con dấu của công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong công ty với các tổ chức cá nhân ngoài công ty.

Điều 32: Quan hệ làm việc giữa HĐQT với các doanh nghiệp có phần vốn góp của công ty

HĐQT có thẩm quyền cử người đại diện quản lý phần vốn góp, giới thiệu thành viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của công ty vào doanh nghiệp khác. Trường hợp HĐQT không cử người đại diện quản lý phần vốn góp thì Chủ tịch HĐQT là người đại diện quản lý và tham dự các cuộc họp có liên quan tại các doanh nghiệp này.

Điều 33: Báo cáo và cung cấp thông tin của Tổng giám đốc, xử lý văn bản đến, gửi văn bản cuộc họp Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng ký có liên quan đến hoạt động SXKD của công ty đều phải gửi đến HĐQT, BKS một bản để báo cáo.
2. Công văn, tài liệu gửi đến thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT, sau khi vào sổ công văn phải được chuyển đến cho Chủ tịch HĐQT để xem xét, chỉ đạo bao gồm: văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và địa phương, đơn

- vị có vốn góp của Công ty WASECO, báo cáo của Người đại diện quản lý vốn của Công ty WASECO tại doanh nghiệp khác, của cổ đông, các đối tác...
3. Các văn bản do HĐQT ban hành được gửi cho các thành viên HĐQT, cơ quan chức năng (nếu luật quy định), thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, phòng ban đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan. Tổng giám đốc và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung được nêu trong Nghị quyết/Quyết định hoặc văn bản yêu cầu.
 4. Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn đi và đến của HĐQT theo quy định về quản lý tài liệu của công ty, chuyển và nhận tất cả công văn, tài liệu của HĐQT theo quy trình giao nhận văn bản của công ty.
 5. Các công văn tài liệu do HĐQT ban hành được đăng ký theo số công văn của HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước gồm 34 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước biểu quyết tán thành tại phiên họp thường niên 2021 ngày 28/5/2021.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật và điều lệ Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những thay đổi hay quy định mới của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc những nội dung trong Quy chế này mâu thuẫn, trái với những điều khoản quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
3. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành trước đây và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/5/2021.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đức Bôn